

Số: /QĐ-UBND

Bình Sơn, ngày tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trị
giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030
và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD);

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng

liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 15/09/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất huyện Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 15/09/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND huyện Bình Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của UBND xã Bình Trị tại Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 22/5/2024 về việc thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 08/7/2024 về việc thẩm định, phê duyệt quy định quản lý đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (kèm theo hồ sơ trình thẩm định đồ án) và Công văn số 216/HĐTĐ-TĐQH ngày 09/7/2024 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch huyện Bình Sơn về kết quả thẩm định Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, với các nội dung chính sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

a) Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

b) Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

Khu vực lập quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trị bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên xã Bình Trị, huyện Bình Sơn với diện tích khoảng 1.837,57 ha (theo thống kê đất đai đến ngày 31/12/2021 xã Bình Trị), có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp: Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn.
- Phía Nam giáp: Xã Bình Hòa, xã Bình Hải, huyện Bình Sơn.
- Phía Đông giáp: Biển Đông.

- Phía Tây giáp: Xã Bình Phước và xã Bình Đông, huyện Bình Sơn.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

a) Mục tiêu:

- Rà soát đánh giá kết quả thực hiện 19 tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020. Cập nhật những nội dung thay đổi để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Bình Trị và định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện Bình Sơn trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Định hướng Quy hoạch xây dựng xã Bình Trị đảm bảo đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao trong giai đoạn 2021 - 2025 theo Kế hoạch xây dựng nông thôn mới của huyện tiến đến xây dựng xã Nông thôn mới kiểu mẫu;

- Định hướng phát triển không gian xã, xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật phát triển thương mại dịch vụ, quy hoạch các vùng sản xuất tập trung hàng hóa, hình thành các chuỗi giá trị sản phẩm nông sản; quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, sản xuất, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân theo hướng bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó chú trọng khai thác lợi thế của địa phương.

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh, quy hoạch điều chỉnh tổng thể Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2045, các quy hoạch phân khu làm cơ sở lập các quy hoạch chi tiết và lập các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện và định hướng phát triển kinh tế của xã trong giai đoạn 2021 - 2030.

- Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trị được định hướng hạ tầng khung phát triển đô thị loại III-IV; thực hiện quy hoạch xây dựng theo lộ trình, góp phần cho việc phát triển đạt tiêu chí đô thị loại IV và trở thành phường thuộc thị xã Bình Sơn theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX đề ra.

b) Tính chất, chức năng của xã:

- Là khu vực đô thị hóa phía Đông huyện Bình Sơn.

- Là khu vực quy hoạch theo hướng cải tạo nâng cấp và phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội các khu dân cư đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, định hướng thành phường nội thị.

- Phát triển dịch vụ phù hợp với định hướng phát triển kinh tế trên địa bàn huyện và quy hoạch chung Khu Kinh tế Dung Quất đã được phê duyệt.

- Xã Bình Trị có chức năng chủ yếu:

+ Phát triển mở rộng đô thị Vạn Tường, phát triển công nghiệp gắn với việc hình thành các khu đô thị mới phía Đông khu kinh tế Dung Quất; Có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội khu vực phía Đông của huyện Bình Sơn.

+ Bổ sung các chức năng thương mại dịch vụ, công cộng đô thị cho khu vực phía Đông huyện Bình Sơn tạo động lực đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa;

+ Là phường nội thị, phát triển dịch vụ phù hợp với định hướng phát triển kinh tế trên địa bàn huyện và quy hoạch chung Khu Kinh tế Dung Quất đã được phê duyệt.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

a) Quy mô dân số, lao động:

- Hiện trạng năm 2021: Dân số toàn xã có 7.078 người, dân số trong độ tuổi lao động 4.247 người.

- Đến năm 2025: Dân số toàn xã có 7.602 người, dân số trong độ tuổi lao động 4.561 người.

- Đến năm 2030: Dân số toàn xã có 8.392 người, dân số trong độ tuổi lao động 5.455 người.

b) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu tính đến năm 2030 theo dân số và quy hoạch sử dụng đất được lập:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu tối thiểu	Chỉ tiêu của xã
I	Sử dụng đất			
	- Đất đơn vị ở mới	m ² /người	≥25	226
	- Đất công trình dịch vụ - công cộng	m ² /người	≥5	35,9
	- Đất cây xanh	m ² /người	≥5	35,49
II	Hạ tầng xã hội thiết yếu			
2.1	Giáo dục			
-	Trường mầm non	m ² /cháu	≥12	69,74
-	Trường tiểu học	m ² /học sinh	≥10	34,95
-	Trường trung học cơ sở	m ² /học sinh	≥10	46,94
2.2	Y tế	m ² /trạm	500	862
2.3	Sân thể thao	ha/công trình	1,0	1,2
2.4	Chợ (hoặc siêu thị)	ha/công trình	1,0	1,21
2.5	Các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu khác	Đảm bảo theo quy định QCVN 01:2021/BXD		
III	Hạ tầng kỹ thuật			
1	Giao thông	m ² /người	≥5	195
	- Tỷ lệ đất giao thông/diện tích đất xây dựng đô thị (cấp đường khu vực)	%	13	14,23
2	Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt	l/ng.ng.đ	≥100	100

STT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu tối thiểu	Chỉ tiêu của xã
3	Chỉ tiêu cấp điện			
	- Sinh hoạt	W/người	≥ 200	200
	- Công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	≥ 30	30
4	Tỉ lệ thu gom, xử lý nước thải	%	80 % nước cấp sinh hoạt	100
5	Chỉ tiêu rác thải, chất thải rắn	kg/người/n g.đêm	$\geq 0,9$	0,9
6	Nghĩa trang	ha/1000 dân	$\geq 0,04$	1,32

4. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã

a) Định hướng tổ chức hệ thống, ranh giới, diện tích khu trung tâm xã:

Khu trung tâm xã bao gồm các công trình sự nghiệp, công trình công cộng và khu dân cư Trảng Bông và khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường dọc theo tuyến đường Bắc Nam Vạn Tường với diện tích quy hoạch là 102,8 ha. Định hướng ranh giới quy hoạch như sau:

- Phía Đông giáp vùng đất ở của KDC xóm Nam và KDC xóm Bắc, thôn An Lộc.
- Phía Tây giáp tuyến quốc lộ 24C.
- Phía Nam giáp khu trồng cây lâu năm thuộc đồng Hóc Khế, thôn An Lộc Bắc và đồng Càn, thôn An Lộc Nam.
- Phía Bắc giáp vùng trồng lúa của thôn An Lộc Bắc và vùng trồng cây lâu năm của thôn An Lộc.

Bảng tổng hợp các công trình thuộc Khu trung tâm xã:

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích (m ²)			Ghi chú
			2021	2025	2030	
1	Công trình hành chính		5.373	17.633	17.633	
1.1	UBND xã Bình Trị	Thôn An Lộc Bắc	5.373	7.000	7.000	Quy hoạch mở rộng
1.2	Công an xã	Thôn An Lộc Nam	-	10.110	10.110	Sử dụng đồn công an Dung Quất
1.3	Ban chỉ huy quân sự xã	Thôn An Lộc Bắc	-	523	523	Quy hoạch xây mới
2	Công trình giáo dục		29.417	32.326	32.326	
2.1	Trường trung học cơ sở		11.441	11.441	11.441	

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích (m ²)			Ghi chú
			2021	2025	2030	
	Trường THCS xã Bình Trị	Thôn An Lộc	11.441	11.441	11.441	Giữ nguyên diện tích
2.2	Trường tiểu học		4.882	4.882	4.882	
	Trường tiểu học xã Bình Trị	Thôn An Lộc Nam	4.882	4.882	4.882	Giữ nguyên diện tích
2.3	Trường mầm non		3.657	6.722	6.722	
	<i>Trường mầm non cụm Trảng Bông</i>	<i>Thôn An Lộc Bắc</i>	<i>1.217</i>	<i>1.217</i>	<i>1.217</i>	<i>Giữ nguyên diện tích</i>
	<i>Trường mầm non xã Bình Trị</i>	<i>Thôn An Lộc Nam</i>	<i>2.440</i>	<i>2.440</i>	<i>2.440</i>	<i>Giữ nguyên diện tích</i>
	<i>Trường mầm non (vị trí 1)</i>	<i>Thôn An Lộc Nam</i>	-	3.065	3.065	Quy hoạch xây mới
2.4	Khu tập thể giáo viên	Thôn An Lộc Nam	9.437	9.281	9.281	Diện tích giảm do mở rộng đường
3	Công trình y tế		862	862	862	
	Trạm y tế xã	Thôn An Lộc Nam	862	862	862	Giữ nguyên diện tích
4	Chợ		16.792	60.503	60.503	
4.1	Chợ xã Bình Trị	Thôn An Lộc Bắc	6.960	12.115	12.115	Quy hoạch mở rộng
4.2	Cửa hàng thương mại dịch vụ trung tâm xã		9.832	48.388	48.388	
	<i>Cửa hàng thương mại dịch vụ (vị trí phía Đông trụ sở UBND xã)</i>	<i>Thôn An Lộc Bắc</i>	-	38.556	38.556	<i>Quy hoạch xây mới</i>
	<i>Cửa hàng thương mại dịch vụ (vị trí phía Tây trường tiểu học trung tâm xã)</i>	<i>Thôn An Lộc Nam</i>	9.832	9.832	9.832	<i>Giữ nguyên diện tích</i>
5	Bưu điện		433	433	433	
	Bưu điện xã Bình Trị	Thôn An Lộc Bắc	433	433	433	Giữ nguyên diện tích
6	Công trình văn hóa		2.625	5.194	5.194	
6.1	Nhà văn hóa xã Bình Trị	Thôn An Lộc Bắc	240	240	240	Giữ nguyên diện tích

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích (m ²)			Ghi chú
			2021	2025	2030	
6.2	Nhà văn hóa thôn An Lộc Bắc	Thôn An Lộc Bắc	1.159	1.159	1.159	Giữ nguyên diện tích
6.3	Nhà văn hóa thôn An Lộc Nam	Thôn An Lộc Nam	1.226	1.226	1.226	Giữ nguyên diện tích
6.4	Nhà văn hoá đa năng	Thôn An Lộc Bắc	-	893	893	Quy hoạch xây mới
6.5	Nhà văn hoá (vị trí 1)	Thôn An Lộc Nam	-	1.676	1.676	Quy hoạch xây mới
7	Công trình tổ chức sự nghiệp		41.185	40.926	40.926	
7.1	Hợp tác xã nông nghiệp	Thôn An Lộc Bắc	-	673	673	Quy hoạch xây mới
7.2	Trung tâm kỹ thuật nông - lâm nghiệp Dung Quất	Thôn An Lộc	41.185	40.253	40.253	Diện tích giảm mở rộng đường
8	Cơ sở thể dục thể thao		11.988	15.332	15.332	
8.1	Sân thể thao xã	Thôn An Lộc Bắc	11.988	12.028	12.028	Quy hoạch mở rộng
8.2	Sân thể thao (vị trí phía Đông công viên 19/3)	Thôn An Lộc Nam	-	3.304	3.304	Quy hoạch xây mới
9	An ninh		25.176	25.176	25.176	
	Trung tâm PCCC KKT Dung Quất	Thôn An Lộc	25.176	25.176	25.176	Giữ nguyên diện tích
10	Khu vui chơi, giải trí		4.730	4.730	4.730	
	Công viên 19/3	Thôn An Lộc Nam	4.730	4.730	4.730	Giữ nguyên diện tích
Tổng (1+2+3+4+5+6+7+8+9+10)			138.581	203.115	203.115	

b) Định hướng quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo thôn:

b.1) Định hướng:

- Quy hoạch các khu đô thị mới, các khu dân cư và chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, giữ lại đồng bộ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và phù hợp với định hướng của Đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045; phải thực hiện quản lý quy chế quản lý kiến trúc đối với phát triển từng khu vực.

- Tôn trọng và giữ gìn các khu dân cư hiện có tại các thôn; hạn chế tối đa việc giải tỏa, di dời làm xáo trộn cuộc sống của nhân dân.

- Phát triển khu dân cư dọc theo tuyến đường giao thông thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế, đảm bảo nhu cầu đất ở toàn xã.

b.2) Quy hoạch các Khu dân cư mới:

Trên địa bàn xã Bình Trị quy hoạch 12 khu dân cư mới với tổng diện tích 97,22 ha.

b.3) Quy hoạch chỉnh trang các Khu dân cư giữ lại và cải tạo thôn, xóm cũ:

Đối với các khu dân cư giữ lại và các điểm dân cư xen kẽ: quy hoạch và chỉnh trang 15 khu dân cư và 15 điểm dân cư xen kẽ với tổng diện tích đất ở đến năm 2030 là 190,27 ha.

c) Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng:

c.1) Định hướng:

Đối với các công trình công cộng, khuyến khích giải pháp thiết kế xây dựng phải tính đến phương án phòng, chống bão; về mật độ xây dựng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và phải đúng theo hướng dẫn của các Bộ chuyên ngành đối với từng loại công trình.

c.2) Quy hoạch tổ chức hệ thống các công trình công cộng:

- Trụ sở UBND xã:

Giữ nguyên vị trí trụ sở UBND xã tại thôn An Lộc Bắc, quy hoạch mở rộng với diện tích đất 7.000 m² (tăng 1.627 m² do mở rộng 1 phần diện tích từ đất thể thao và đất y tế cũ). Quy hoạch trồng thêm cây xanh cảnh quan và nâng cấp các công trình trong khu hành chính khi xuống cấp.

- Công trình an ninh - quốc phòng:

+ Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã: Quy hoạch xây dựng mới trụ sở ban chỉ huy quân sự xã với diện tích đất 523 m², vị trí nằm về phía Đông trụ sở UBND xã tại thôn An Lộc Bắc. Ngoài ra, quy hoạch thêm 5 vị trí đất quốc phòng với tổng diện tích 5.1193 m² tại thôn Lê Thủy.

+ Trụ sở công an xã: sử dụng đồn công an Dung Quất tại thôn An Lộc Nam làm trụ sở công an xã, với diện tích 10.110 m². Quy hoạch trồng thêm cây xanh cảnh quan và nâng cấp các công trình khi xuống cấp.

- Công trình văn hóa - thể thao:

+ Nhà văn hoá xã: Giữ nguyên vị trí nhà văn hoá xã đã được xây dựng với diện tích 240 m² nằm trong khuôn viên UBND xã Bình Trị thuộc thôn An Lộc Bắc. Bố trí thêm 1 số công trình phụ trợ và đầu tư thêm trang thiết bị vật tư để đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã.

+ Nhà thi đấu đa năng: Quy hoạch mới nhà thi đấu đa năng với diện tích đất 893 m² trong khuôn viên sân vận động của xã thuộc thôn An Lộc Bắc.

- Nhà văn hóa thôn:

+ Giữ nguyên vị trí nhà văn hoá của 05 thôn đã có, với tổng diện tích 6.878 m². Quy hoạch xây dựng chỉnh trang tường rào cổng ngõ, nâng cấp sân nền và trồng cây xanh cảnh quan, đồng thời đầu tư thêm trang thiết bị vật tư.

+ Ngoài ra trong giai đoạn quy hoạch 2021 - 2030 đảm bảo phục vụ nhu cầu hội họp trong các khu dân cư nên quy hoạch xây dựng mới 02 nhà văn hoá trong khu dân cư, cụ thể:

➤ Quy hoạch mới vị trí đất văn hoá trong khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường với diện tích 1.676 m² (cập nhật theo quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường).

➤ Quy hoạch mới vị trí đất văn hoá tại thôn Lê Thuỷ với diện tích 4.486 m² (cập nhật theo quy hoạch phân khu xây dựng 1/2000 Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất).

- Công trình Thể dục thể thao:

+ Giữ nguyên vị trí sân thể thao xã, quy hoạch mở rộng về phía bắc sân vận động xã hiện có, đồng thời giảm một phần diện tích do xây dựng nhà thi đấu đa năng và mở rộng trụ sở UBND. Tổng diện tích sử dụng của sân vận động xã còn 12.028 m². Nâng cấp sân nền và xây dựng mới các hạng mục, phòng chức năng phục vụ nhu cầu văn hóa thể thao cho nhân dân trong xã. Đồng thời quy hoạch mới 3 vị trí sân thể thao:

+ Quy hoạch mới sân thể thao vị trí 1, trong KDC Tây Bắc Vạn Tường, vị trí phía Đông công viên 19/3 với diện tích 3.304 m².

+ Quy hoạch mới sân thể thao vị trí 2, tại thôn Lê Thuỷ, vị trí phía Bắc trường cao đẳng nghề Dung Quất với diện tích 24.260 m² (cập nhật theo quy hoạch phân khu xây dựng 1/2000 Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất).

+ Quy hoạch mới sân thể thao vị trí 3, tại thôn Lê Thuỷ với diện tích 15.482 m² (cập nhật theo quy hoạch phân khu xây dựng 1/2000 Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất).

- Khu vui chơi, giải trí công cộng: Giữ nguyên vị trí công viên 19/3 hiện có tại thôn An Lộc Nam với diện tích đất 4.730 m².

- Trạm y tế xã:

+ Giữ nguyên diện tích trạm y tế xã hiện có tại thôn An Lộc Nam với diện tích đất 862 m². Theo quy định QCVN 01:2021/BXD, diện tích tối thiểu của trạm y tế là 1.000 m² (trạm có vườn thuốc nam), là chưa đảm bảo diện tích theo quy chuẩn. Tuy nhiên về ranh giới của trạm y tế xã, phía Đông và phía Nam giáp đường hiện trạng, phía Bắc và phía Tây giáp trường học hiện hữu nên không còn diện tích để mở rộng cho đủ chuẩn. Giai đoạn đến, cải tạo cảnh quan và đầu tư thêm các trang thiết bị vật tư để phục vụ tốt hơn trong công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong xã. Ngoài ra quy hoạch mới 2 vị trí đất y tế (cập nhật theo quy hoạch phân khu xây dựng 1/2000 Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất):

+ Quy hoạch mới trạm y tế vị trí 1, tại thôn Lê Thuỷ với diện tích 4.004 m².

+ Quy hoạch mới trạm y tế vị trí 2, tại thôn Lê Thuỷ với diện tích 6.219 m².

- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

+ Quy hoạch mở rộng diện tích chợ trung tâm xã hiện có tại thôn An Lộc

Bắc về phía Bắc của chợ giáp với tuyến đường giao thông hiện hữu đồng thời chuyển một phần diện tích đất chợ sang quy hoạch trụ sở hợp tác xã nông nghiệp nên tổng diện tích chợ quy hoạch là 12.115 m². Cần chỉnh trang và xây dựng mới 1 số hạng mục công trình trong chợ đảm bảo theo quy chuẩn.

+ Giữ nguyên chợ cá thôn Lệ Thủy với diện tích đất 515 m², đây là chợ chỉ phục vụ cho nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa trong thôn nên vẫn giữ nguyên diện tích. Xây dựng đầu tư thêm một số công trình phụ trợ và cải tạo cảnh quan chợ.

+ Đối với vị trí thương mại dịch vụ hiện hữu theo quy hoạch chi tiết 1/500 KDC Tây Bắc Vạn Tường (tại thôn An Lộc Nam, diện tích 9.832 m²) cần kêu gọi thu hút đầu tư vào vị trí này.

- Bưu điện văn hóa xã:

Giữ nguyên trụ sở làm việc của bưu điện xã với diện tích 433 m² tại thôn An Lộc Bắc, chỉnh trang tường rào cổng ngõ, nâng cấp cơ sở vật chất, sân nền và trồng cây xanh cảnh quan.

- Trụ sở hợp tác xã nông nghiệp Bình Trị:

+ Quy hoạch xây dựng mới trụ sở hợp tác xã nông nghiệp Bình Trị với diện tích đất 673 m² (từ một phần diện tích của đất chợ), vị trí phía Đông chợ trung tâm xã Bình Trị tại thôn An Lộc Bắc.

+ Đối với 02 vị trí đất hợp tác xã ở thôn Phước Hòa với tổng diện tích 2.365 m² nằm trong quy hoạch đất khu công nghiệp (vị trí 5) theo quy hoạch điều chỉnh khu kinh tế Dung Quất.

- Công trình giáo dục:

+ Trường mầm non: Giữ nguyên vị trí hiện có của 03 điểm trường mầm non như sau:

- Trường mầm non cụm Lệ Thủy tại thôn Lệ Thủy với diện tích 1.267 m².
- Trường mầm non cụm Trảng Bông tại thôn An Lộc Bắc với diện tích 1.217 m².
- Trường mầm non xã Bình Trị tại thôn An Lộc Nam với diện tích 2.440 m².

Riêng đối với trường mầm non cụm An Long tại thôn Phước Hoà: Giai đoạn 2021-2025: giữ nguyên vị trí trường mầm non với diện tích đất 1.924 m². Giai đoạn 2025-2030: mở rộng diện tích trường về phía Nam diện tích 2.308 m², nâng tổng diện tích đất sử dụng của trường lên 2.962 m² (1 phần diện tích bị giảm khi quy hoạch tuyến đường giao thông theo điều chỉnh quy hoạch tổng thể Khu kinh tế Dung Quất). Đầu tư thêm 1 số trang thiết bị phục vụ nhu cầu dạy và học cho trẻ, đầu tư thêm sân chơi cho trẻ, 1 số phòng chức năng, trồng thêm cây xanh cải tạo cảnh quan và nâng cấp các công trình phụ trợ đã xuống cấp.

Đồng thời quy hoạch mới 2 điểm trường mầm non, cụ thể như sau:

➤ Quy hoạch mới trường mầm non vị trí 1, trong KDC Tây Bắc Vạn Tường, thôn An Lộc Nam với diện tích 3.065 m².

➤ Quy hoạch mới trường mầm non vị trí 2, tại thôn Lê Thủy với diện tích 8.924 m² (cập nhật theo quy hoạch phân khu xây dựng 1/2000 Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất).

+ Trường tiểu học:

➤ Giữ nguyên vị trí trường tiểu học xã Bình Trị tại thôn An Lộc Nam với diện tích 4.882 m².

➤ Giữ nguyên vị trí trường tiểu học tại thôn Lê Thủy, với diện tích còn lại là 2.488 m² (giảm 503 m² do quy hoạch xây dựng nhà sinh hoạt xóm An Thạnh 1).

➤ Đối với trường tiểu học tại thôn Phước Hoà: Giai đoạn 2021-2025: giữ nguyên vị trí trường mầm non với diện tích đất 3.336 m². Giai đoạn 2025-2030: Mở rộng diện tích trường tiểu học về phía Nam thêm diện tích 1.288 m², nâng tổng diện tích đất sử dụng của trường lên 4.291 m² (1 phần diện tích bị giảm khi quy hoạch tuyến đường giao thông theo điều chỉnh quy hoạch tổng thể Khu kinh tế Dung Quất).

Cả 03 điểm trường tiểu học cần đầu tư xây dựng thêm cơ sở vật chất giáo dục, phòng chức năng và nâng cấp các công trình phụ trợ đã xuống cấp.

➤ Ngoài ra trong giai đoạn 2021-2030 quy hoạch mới trường tiểu học vị trí 1 tại thôn Lê Thủy với diện tích 14.029 m² (cập nhật theo quy hoạch phân khu xây dựng 1/2000 Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất).

➤ Đối với điểm trường tiểu học cũ tại thôn An Lộc (hiện không còn sử dụng) với diện tích đất là 1.148 m², quy hoạch chuyển sang đất ở để thực hiện đấu giá.

- Trường THCS: Giữ nguyên diện tích THCS xã Bình Trị hiện có tại thôn An Lộc với diện tích đất 11.441 m². Xây dựng 1 số công trình phụ trợ, phòng chức năng và đầu tư 1 số trang thiết bị phục vụ nhu cầu dạy và học của học sinh. Đồng thời trong giai đoạn 2021-2030 quy hoạch mới trường THCS vị trí 1 tại thôn Lê Thủy với diện tích 9.306 m² (cập nhật theo quy hoạch phân khu xây dựng 1/2000 Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất).

- Trường Cao đẳng kỹ nghệ Dung Quất: Giữ nguyên diện tích Trường Cao đẳng kỹ nghệ Dung Quất hiện có tại thôn An Lộc với diện tích đất 53.832 m².

d) Định hướng tổ chức các khu vực phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch:

- Quy hoạch trên địa bàn xã Bình Trị 13 khu thương mại dịch vụ, du lịch, khai thác tiềm năng thế mạnh du lịch vốn có của địa phương với tổng diện tích 29,44 ha và giữ nguyên diện tích hiện có của 01 khu thương mại dịch vụ trong KDC Tây bắc Vạn Tường phía Tây trường tiểu học trung tâm tại thôn An Lộc Nam với diện tích 0,98 ha.

- Về du lịch tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển du lịch cộng đồng tại biển Lê Thủy và khu vực đập Đá Bàn của thôn Phước Hòa. Để sản phẩm

du lịch mang tính đặc thù, xã đã và đang tập trung phát triển theo hướng du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn ở những nơi có điều kiện cảnh quan thiên nhiên đẹp. Các sản phẩm du lịch đều hướng đến phát triển xanh, bền vững và đồng thời đi đôi với du lịch văn hóa, lấy du lịch sinh thái làm mũi nhọn, du lịch văn hóa làm nền tảng để phát huy tính đặc thù tài nguyên du lịch của địa phương xã Bình Trị.

d) Định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và năng lượng:

- Nhà máy lọc dầu Dung Quất nằm trên địa bàn xã giúp giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động trên địa bàn xã. Trong giai đoạn 2021-2030 quy hoạch mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất hiện hữu để nâng công suất chế biến của nhà máy. Tổng diện tích đất năng lượng đến năm 2030 là 333,88 ha.

- Hiện nay diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn xã Bình Trị là 28,35 ha bao gồm nhà máy bê tông, xưởng cơ khí và vật liệu xây dựng, nhà máy nước..... Trong giai đoạn 2021-2030 quy hoạch thêm 289,20 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn xã.

e) Định hướng phát triển các công trình tôn giáo - tín ngưỡng, danh lam - thắng cảnh:

Tôn giáo, tín ngưỡng: Quy hoạch 01 nhà thờ Tin Lành với diện tích 0,19 ha tại thôn Lê Thuỷ (nhằm phát triển du lịch tôn giáo tại vị trí này).

f) Định hướng tổ chức khu chức năng phát triển công viên, cây xanh và mặt nước:

Hình thành trên địa bàn xã Bình Trị 08 khu công viên cây xanh sinh thái - vui chơi giải trí tại khu vực lồng ghép trong các khu dân cư mới và trong các khu thương mại dịch vụ du lịch với diện tích 23,48 ha. Cụ thể:

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa Điểm
	Tổng	23,48	
1	Quy hoạch đất Công viên cây xanh (Trong KDC TBVT)	8,6	Xã Bình Trị
2	Quy hoạch đất Công viên cây xanh (vị trí 1)	2,47	Xã Bình Trị
3	Quy hoạch đất Công viên cây xanh (vị trí 2)	0,47	Xã Bình Trị
4	Quy hoạch đất Công viên cây xanh (vị trí 3)	3,52	Xã Bình Trị
5	Quy hoạch đất Công viên cây xanh (vị trí 4)	1,14	Xã Bình Trị
6	Quy hoạch đất Công viên cây xanh (vị trí 5)	2,56	Xã Bình Trị
7	Quy hoạch đất Công viên cây xanh (vị trí 6)	1,13	Xã Bình Trị
8	Quy hoạch đất Công viên cây xanh (vị trí 7)	3,59	Xã Bình Trị

g) Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:

Về định hướng quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp của xã Bình Trị thực hiện cập nhật hoàn toàn theo Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng

Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045. Do đó, đối với khu vực sản xuất, trồng trọt trong giai đoạn 2021-2030 thực hiện theo hiện trạng hiện có.

- Quy hoạch vùng trồng lúa:

Theo định hướng Bình Trị trở thành phường khi huyện Bình Sơn lên thị xã nên phần lớn diện tích đất lúa chuyển sang quy hoạch các mục đích khác là 101,09 ha tại xứ đồng Rọc Chùa, đồng Hàng, đồng Diều, đồng Bãi Thái... Trong giai đoạn 2021 – 2030 tập trung phát triển sản xuất lúa tại xứ đồng Phần Cát, đồng Chùa, đồng Da, đồng Rọc Chùa... tại thôn Phước Hòa và thôn An Lộc Bắc với diện tích đến năm 2030 còn lại là 100,66 ha.

- Vùng trồng cây hàng năm khác:

Toàn bộ diện tích trồng cây hàng năm tại các thôn trên địa bàn xã đến năm 2030 còn lại là 88,63 ha tập trung tại xứ đồng Gò Đổ, đồng Nghệ, đồng Lang... với các loại cây trồng chủ lực mang lại kinh tế cao như: ớt, đậu phộng và rau màu các loại.

- Vùng nông nghiệp khác:

Quy hoạch phát triển đất nông nghiệp khác với cơ sở nuôi trồng và phát triển Tảo Xoắn tại thôn An Lộc Nam, với diện tích 1,04 ha. Quy hoạch thêm đất nông nghiệp tại khu vực núi Dệnh, thuộc thôn An Lộc với diện tích 48,54 ha.

- Vùng trồng rừng:

+ Diện tích đất trồng rừng sản xuất hiện có trên địa bàn xã đến năm 2030 còn lại là 163,17 ha tập trung tại xứ đồng Trảng Mực, đồng Cây Da, đồng Vườn Sám... với cây trồng chủ lực là Keo và Bạch đàn. Bên cạnh việc trồng rừng sản xuất tập trung, tăng cường hướng dẫn nhân dân trồng cây phân tán trong nông hộ, vùng gò đồi nhằm hạn chế tác động bất lợi của thiên tai.

+ Ngoài ra diện tích đất trồng rừng phòng hộ trên địa bàn xã đến năm 2030 còn lại là 55,45 ha tập trung tại dọc bờ biển phía Đông nhà máy lọc dầu Dung Quất, thuộc thôn Lệ Thủy.

- Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản:

+ Hiện nay kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao đang được các nhà đầu tư quan tâm; cần nghiên cứu đề xuất quỹ đất để phát triển nông nghiệp công nghệ cao phục vụ các hoạt động dịch vụ trên biển nhằm phát triển thế mạnh của địa phương là xã vùng ven biển.

+ Tuy vậy, quy mô kinh tế biển của địa phương còn nhỏ; phát triển thủy sản chủ yếu dựa vào đánh bắt, chưa gắn với bảo tồn, phát triển; nuôi trồng thủy sản còn nhỏ lẻ, manh mún (diện tích đất nuôi trồng thủy sản tại các thôn trên địa bàn xã đến năm 2030 còn lại 5,62 ha); ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường của cộng đồng dân cư còn nhiều hạn chế. Hơn nữa, sự phát triển công nghiệp ven biển đã ảnh hưởng đến môi trường và đời sống người dân... Trong thời gian tới, xã sẽ tập trung phát triển thủy sản toàn diện, bền vững trên các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến.

+ Tiếp tục cải hoán, đóng mới tàu có công suất lớn, trang thiết bị hiện đại để khai thác xa bờ; Nghiêm cấm các hoạt động khai thác mang tính tận diệt; Đẩy mạnh phục hồi và tái tạo nguồn lợi thủy sản; Củng cố, phát triển các mô hình hợp tác trong đánh bắt hải sản. Khuyến khích nuôi trồng các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao... Mục tiêu hướng đến là phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Trên cơ sở Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 và quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bình Sơn, tuy nhiên có 1 số chỉ tiêu sử dụng đất xã Bình Trị cập nhật theo quy hoạch điều chỉnh khu kinh tế Dung Quất nên thay đổi so với các chỉ tiêu được duyệt, thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Stt	Hạng mục sử dụng đất	Hiện trạng năm 2021		QH đến năm 2030		Tăng/giảm
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	
1	Đất nông nghiệp	1.070,64	58,26	656,41	35,72	-414,23
1.1	Đất trồng lúa	201,75	10,98	100,66	5,48	-101,09
1.2	Đất trồng trọt khác	611,19	33,26	281,93	15,34	-329,26
1.3	Đất rừng sản xuất	191,52	10,42	163,2	8,88	-28,35
1.4	Đất rừng phòng hộ	60,29	3,28	55,45	3,02	-4,84
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	5,89	0,32	5,62	0,31	-0,27
1.6	Đất nông nghiệp khác			49,58	2,70	49,58
2	Đất xây dựng	711,17	38,70	1.149,74	62,57	438,57
2.1	Đất ở	84,32	4,59	190,27	10,35	105,95
2.2	Đất công cộng	23,58	1,28	30,17	1,64	6,59
-	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	8,16	0,44	7,89	0,43	-0,27
-	Đất xây dựng cơ sở y tế			1,01	0,05	1,01
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	11,67	0,64	16,36	0,89	4,69
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá			0,83	0,05	0,83
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	1,62	0,09	1,54	0,08	-0,08
-	Đất chợ	0,75	0,04	1,27	0,07	0,52
-	Điểm bưu điện – văn hóa xã	1,38	0,08	1,27	0,07	-0,11
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	2,06	0,11	29,79	1,62	27,73
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	1,26	0,07	5,58	0,30	4,32
-	Đất vui chơi, giải trí công cộng	0,8	0,04	24,21	1,32	23,41

Stt	Hạng mục sử dụng đất	Hiện trạng năm 2021		QH đến năm 2030		Tăng/giảm
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đền đình	0,9	0,05	1,09	0,06	0,19
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>					
-	<i>Đất danh lam thắng cảnh</i>					
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	0,18	0,01	0,4	0,02	0,19
-	<i>Đất cơ sở tín ngưỡng</i>	0,72	0,04	0,72	0,04	0
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	371,16	20,20	293,92	15,99	-77,24
-	<i>Đất cụm công nghiệp</i>					
-	<i>Đất khu công nghiệp</i>	342,81	18,66	0	0	-342,81
-	<i>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</i>	28,35	1,54	293,92	15,99	265,57
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	14,28	0,78	15,53	0,85	1,25
-	<i>Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản</i>					
-	<i>Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm</i>	14,28	0,78	15,53	0,85	1,25
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	17,58	0,96	45,15	2,46	27,57
-	<i>Đất xây dựng các công trình sự nghiệp khác</i>	4,37	0,24	4,35	0,24	-0,02
-	<i>Đất thương mại, dịch vụ và đất xây dựng các khu chức năng</i>	13,21	0,72	40,80	2,22	27,59
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	171,34	9,32	505,11	27,49	333,77
-	<i>Đất giao thông</i>	151,29	8,23	163,67	8,91	12,38
-	<i>Đất xử lý chất thải rắn</i>					
-	<i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</i>	14,46	0,79	7,55	0,41	-6,91
-	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</i>	5,59	0,30	333,88	18,17	328,29
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	21,11	1,15	28,16	1,53	7,05
-	<i>Đất thủy lợi</i>	21,11	1,15	28,16	1,53	7,05
-	<i>Đất phi nông nghiệp khác</i>					
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	4,84	0,26	10,55	0,57	5,71
-	<i>Đất quốc phòng</i>	0,53	0,03	5,64	0,31	5,11
-	<i>Đất an ninh</i>	4,31	0,23	4,91	0,27	0,60
3	Đất khác	55,76	3,03	31,42	1,71	-24,34
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dụng	53,18	2,89	31,03	1,69	-22,15

Stt	Hạng mục sử dụng đất	Hiện trạng năm 2021		QH đến năm 2030		Tăng/giảm
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	
3.2	Đất chưa sử dụng	2,58	0,14	0,39	0,02	-2,19
TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH		1.837,57	100,00	1.837,57	100,00	

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch hệ thống Giao thông:

a1) Định hướng:

- Tận dụng tối đa hệ thống giao thông hiện có để cải tạo nâng cấp, mở rộng phục vụ nhu cầu giao thông thông suốt các tháng trong năm. Hạn chế tối đa việc phá dỡ công trình giao thông hiện có, đồng thời tránh tác động ảnh hưởng đến các công trình công cộng, công trình văn hóa,...

- Hệ thống giao thông đảm bảo đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất của nhân dân; phục vụ sản xuất, liên hệ với hệ thống giao thông đối ngoại.

- Các tuyến đường huyện, đường liên xã, trục xã, thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô (TCVN 4054-2005) và các tuyến đường xóm, ngõ xóm thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn (TCVN 10380:2014), Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải và theo điều kiện thực tế của địa phương.

a2) Hệ thống giao thông:

- Hệ thống đường theo quy hoạch vùng huyện: Hệ thống giao thông chính theo Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045:

+ Quốc lộ 24C: Thuộc nhóm quốc lộ thứ yếu điểm đầu từ Cảng Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đến Quốc lộ 40B, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam, tổng chiều dài toàn tuyến 95km. Tuyến đường có ý nghĩa và tầm quan trọng kết nối KKT Dung Quất với các tỉnh lân cận để phát triển kinh tế, xã hội cho địa phương. Quy mô định hướng quy hoạch: Cấp III-IV, 2-4 làn xe (theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ). Quy mô mặt cắt như sau: Bề rộng nền đường: $B_n=60\text{m}$; Bề rộng mặt đường: $B_m=20,5 \text{ m} \times 2=41,0 \text{ m}$; Bề rộng hè đường: $B_{vh}=7 \text{ m} \times 2=14,0 \text{ m}$; Dải phân cách: 5,0 m.

+ Tuyến đường trung tâm Bắc Nam Vạn Tường đi qua địa bàn xã khoảng 3,0 km với mặt cắt 3-3, quy mô như sau: Bề rộng nền đường: $B_n= 40,0 \text{ m}$; Bề rộng lòng đường: $B_m= 12,0\text{m} \times 2=24,0\text{m}$; Bề rộng hè đường: $B_l=6,5\text{m} \times 2=13,0 \text{ m}$; Dải phân cách giữa: 3,0 m.

+ Tuyến đường Lâm viên theo quy hoạch điều chỉnh KKTDQ với mặt cắt 5-5, có quy mô như sau: Bề rộng nền đường: $B_n= 34,0 \text{ m}$; Bề rộng lòng đường:

$B_m = 8,0 \times 2 = 16,0 \text{ m}$; Bề rộng hè đường: $B_l = 7,5 \times 2 = 15 \text{ m}$; Dải phân cách giữa: 3,0 m.

+ Tuyến đường giao thông theo quy hoạch điều chỉnh KKTDQ với mặt cắt 6-6 đoạn qua thôn Phước Hòa, xã Bình Trị chạy từ Tây sang Đông giao với quốc lộ 24C, có quy mô như sau: Bề rộng nền đường: $B_n = 31,0 \text{ m}$; Bề rộng lòng đường: $B_m = 8,0 \times 2 = 16,0 \text{ m}$; Bề rộng hè đường: $B_l = 6,5 \times 2 = 13 \text{ m}$; Dải phân cách giữa: 2,0 m.

+ Đường huyện ĐH.07 (Bình Hiệp - Dung Quất): Chiều dài tuyến qua địa bàn xã Bình Trị khoảng 0,4km, định hướng quy hoạch tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp V - Đồng bằng (theo quy hoạch Giao thông vận tải huyện Bình Sơn), với quy mô mặt cắt như sau: Bề rộng nền đường: $B_n = 9,0 \text{ m}$; Bề rộng mặt đường: $B_m = 7,0 \text{ m}$; Bề rộng hè đường: $B_l = 2 \times 1,0 \text{ m} = 2,0 \text{ m}$.

- Hệ thống đường xã:

+ Đường trục xã, liên xã: Quy hoạch nâng cấp các tuyến đường trục xã hiện có. Định hướng kiên cố hóa 100% hệ thống đường xã, quy mô đường tối thiểu đạt cấp VI hoặc cấp A. Tổng chiều dài đoạn qua xã khoảng 6,30 km với 04 tuyến đường.

+ Đối với tuyến đường xã từ Khu tập thể giáo viên đến giáp xã Bình Hải chiều dài khoảng 2,0 km và tuyến đường từ nhà văn hoá Long Bàn đi trục chính Tây Bắc Vạn Tường với chiều dài khoảng 1km, trong giai đoạn quy hoạch 2021 - 2030 định hướng xã Bình Trị lên phường nên quy hoạch tuyến đường xã theo cấp đô thị đáp ứng đạt tiêu chuẩn cấp V, đáp ứng nhu cầu đi lại giao thương kinh tế trong khu vực, cụ thể: Bề rộng nền đường: $B_n = 8,5 - 10,5 \text{ m}$; Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5 - 7,5 \text{ m}$; Bề rộng lề đường: $B_l = 2 \times 1,5 \text{ m} = 3,0 \text{ m}$;

+ Đối với 02 tuyến đường xã còn lại với tổng chiều dài 3,5 km, định hướng quy hoạch mở rộng và nâng cấp bê tông theo chuẩn cấp A, quy mô mặt cắt như sau: Bề rộng nền đường: $B_n = 6,5 \text{ m}$; Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,5 - 4,0 \text{ m}$; Bề rộng lề đường: $B_l = 2 \times 1,5 \text{ m} = 3,0 \text{ m}$;

- Hệ thống đường thôn và đường liên thôn: Phát triển trên cơ sở các đường trục thôn và liên thôn hiện trạng với tổng 09 tuyến và chiều dài 6,82km, trong đó qua rà soát bổ sung mới vào quy hoạch là 02 tuyến với chiều dài 1,15 km. Định hướng quy hoạch đạt đường cấp A, cấp B (TCVN 10380:2014), quy mô mặt cắt nền $B_n = 5,0 - 6,5 \text{ m}$.

- Hệ thống đường ngõ, xóm: Quy hoạch nâng cấp và mở rộng các tuyến đường ngõ xóm hiện hữu. Qua rà soát quy hoạch bổ sung thêm 27 tuyến đường với tổng chiều dài 4,86 km so với hiện trạng hiện có, nâng tổng số tuyến đường ngõ, xóm theo quy hoạch là 88 tuyến với 22,42 km. Định hướng quy hoạch đạt đường cấp B, cấp C (TCVN 10380:2014), quy mô mặt cắt nền $B_n = 4,0 - 5,0 \text{ m}$.

- Hệ thống đường trục chính nội đồng: Mở rộng và cứng hóa các tuyến nội đồng qua các khu vực sản xuất, trên cơ sở các đường hiện trạng. Định hướng quy hoạch đường trục chính nội đồng có chiều rộng nền đường tối thiểu 3,5 m và có

chỗ tránh xe, đảm bảo xe cơ giới đi lại, cách khoảng 100 m có điểm dừng tránh xe. Tổng chiều dài đường chính nội đồng quy hoạch khoảng 27,48 km với tổng 35 tuyến (trong đó rà soát bổ sung mới vào quy hoạch 16 tuyến với chiều dài 7,25km) cần đầu tư nâng cấp mở rộng theo chuẩn đường cấp C.

b) Quy hoạch hệ thống thủy lợi, đê điều:

b1) Hệ thống kênh mương:

- Nạo vét kênh mương nội đồng và gia cố bờ kênh sạt lở tạo điều kiện thuận lợi cho việc tưới tiêu ruộng đồng.

- Định hướng củng cố, nâng cấp và kiên cố hoá hệ thống kênh mương nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng tăng trên địa bàn, tỷ lệ kiên cố hóa đạt 100% kênh nội đồng. Kiên cố hóa kênh mương kết hợp hệ thống kênh mương với xây dựng đường nội đồng đồng bộ phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển được thuận lợi. Tổng chiều dài kênh mương thủy lợi cần kiên cố hóa khoảng 3,18 km.

b2) Hệ thống hồ đập:

Đập: Gia cố, Nâng cấp các đập chứa nước đã xuống cấp kết hợp các mương tưới tiêu; thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng kết cấu thân đập, đảm bảo an toàn cho sản xuất và dân cư trong vùng. Đồng thời trong giai đoạn 2021-2030 quy hoạch mới đập Đá Bàn tại thôn Phước Hòa với diện tích 2,25 ha.

b3) Hệ thống đê, kè:

Hiện xã Bình Trị có kè chống sạt lở bờ biển Lệ Thủy tại thôn Lệ Thủy với chiều dài 0,4 km. Tu bổ và nâng cấp và xây dựng thêm hệ thống đê kè chống sạt lở bờ biển.

Trạm bơm: Xây dựng mới trạm bơm nước phục vụ sản xuất xóm Hòa Tây, thôn Phước Hòa, sử dụng nguồn nước từ đập Đá Bàn.

c) Quy hoạch hệ thống cấp điện:

- Từng bước xây dựng hệ thống điện hiện đại, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho huyện Bình Sơn đạt chuẩn đô thị loại IV và trở thành thị xã Bình Sơn. Đối với hệ thống điện phải từng bước được ngầm hóa, nhất là quy hoạch xây dựng các khu dân cư trên địa bàn xã.

- Xây dựng hệ thống cấp điện theo yêu cầu an toàn của ngành điện, đảm bảo 100% được cấp điện thường xuyên và an toàn từ lưới điện quốc gia.

- Lưới chiếu sáng:

+ Xây dựng mới các tuyến chiếu sáng cho đường trục khu trung tâm xã.

+ Các tuyến chiếu sáng trong khu dân cư có thể kết hợp với tuyến điện 0,4Kv cấp cho sinh hoạt nhưng phải đảm bảo an toàn kỹ thuật và mỹ quan.

- Nguồn điện: Nguồn điện đang sử dụng trên địa bàn xã Bình Trị được cung cấp từ xuất tuyến 471,472,478/220kV Dung Quất.

- Lưới điện : Để góp phần hạn chế những sự cố của điện cũng như nâng cao

tính mỹ quan đô thị khi huyện Bình Sơn lên thị xã, ngành điện định hướng từng bước ngầm hóa hệ thống lưới điện góp phần nâng cao độ tin cậy lưới điện, năng lực truyền tải, tăng cường chất lượng dịch vụ cung ứng điện phục vụ khách hàng. Đồng thời giảm diện tích chiếm dụng đất của các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm mục tiêu tiến tới xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật lưới điện theo tiêu chuẩn đô thị hiện đại, thông minh vừa tạo điều kiện môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

- Trạm hạ áp: Các trạm biến áp là loại ngoài trời (trạm treo hoặc trạm giàn). Vị trí trạm hạ áp đặt thuận tiện cho việc đặt đường dây, ít cắt đường giao thông, không gây trở ngại, nguy hiểm cho sản xuất, sinh hoạt. Nhu cầu dùng điện trong xã khoảng 2.115 KVA, bố trí thêm các trạm hạ áp để đảm bảo nhu cầu sử dụng điện của xã. Nâng cấp các trạm hiện tại và bổ sung các trạm biến áp mới ở các điểm dân cư mới, rút ngắn khoảng cách phục vụ các trạm trong bán kính phục vụ khoảng 500m nhằm tiết kiệm điện năng và an toàn trong quá trình truyền dẫn điện; Trạm điện hạ áp và lưới điện trung, cao, hạ áp trong khu vực dân cư phải đảm bảo hành lang và khoảng cách ly bảo vệ.

Đối với hệ thống điện trong phạm vi huyện Bình Sơn, xã Bình Trị nói riêng khi xây dựng mới phải thực hiện ngầm hóa toàn bộ đảm bảo theo quy chuẩn đô thị.

d) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước - công trình cấp nước:

+ Nguồn nước lấy từ hệ thống cấp nước chung của đô thị thông qua Nhà máy nước của Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất tại xã.

+ Xây dựng mới hệ thống đường ống dọc theo các trục đường giao thông đến từng hộ dân đồng bộ để cấp nước cho dân cư trên địa bàn.

- Công trình đầu mối:

+ Theo điều chỉnh Khu kinh tế Dung Quất, giai đoạn 2021-2025: nâng cấp công suất của nhà máy nước Vinaconex Dung Quất lên 50.000 m³/ngày, để cấp nước đảm bảo cho các xã trong khu kinh tế Dung Quất nói chung và xã Bình Trị nói riêng.

+ Nguồn nước thô từ hệ thống kênh Thạch Nham dùng để cung cấp cho nhà máy lọc dầu Dung Quất.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

đ1) Thoát nước thải:

- Toàn bộ nước thải khu dân cư xã Bình Trị được thu gom đưa về trạm bơm xử lý nước thải tập trung dự kiến tại khu vực phía nam khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường với công suất 2.000 m³/ ngày.đêm. Tuy nhiên giai đoạn đầu vẫn sử dụng 2 trạm xử lý nước thải ở đô thị Vạn Tường với công suất 900 m³/ ngày.đêm và trạm xử lý nước thải Vạn Tường với công suất 1.250 m³/ ngày.đêm. Đối với nước thải công nghiệp vẫn sử dụng trạm xử lý nước thải tại nhà máy lọc dầu với công

suất 560.000 m³/ngày.đêm và quy hoạch thêm 1 trạm xử lý nước thải công nghiệp với công suất 5.000 m³/ngày.đêm (Các vị trí Trạm xử lý nước thải điều cập nhật theo Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045).

- Đối với các khu công nghiệp sẽ được đầu tư xây dựng đồng bộ theo hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn so với nước thải.

- Đối với các khu vực dân cư cũ: Xây dựng hệ thống thoát nước chung, nước thải của khu dân cư, các công trình công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của từng công trình rồi được dẫn qua hệ thống cống, rãnh dọc theo các trục đường chính và thoát ra hệ thống kênh mương rồi đổ ra biển.

- Khu vực trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn: Sẽ được thu gom ở cuối các đường ống và đưa về bể xử lý nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Xây dựng hệ thống mương dọc theo các tuyến đường giao thông và hướng thoát nước đối với các khu dân cư hiện hữu tập trung đông dân cư sinh sống.

đ2) Chất thải rắn (CTR):

- CTR sinh hoạt các khu dân cư tập trung: tổ chức thu gom trên các trục đường giao thông, lắp đặt các thùng thu gom CTR trên các tuyến đường, các thùng thu gom CTR có nắp đậy để bảo đảm vệ sinh môi trường;

- Đối với các khu dân cư phân tán tại các thôn tổ chức thu gom bằng các thùng rác công cộng, mỗi thôn 1 điểm tập trung CTR có khoảng cách ly vệ sinh \geq 20m;

- CTR sau khi được thu gom tập trung được Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi thu gom đưa về Khu xử lý chất thải rắn Bình Nguyên của Công ty Cổ phần Cơ - Điện – Môi trường Lilama, không tự ý tổ chức chôn lấp CTR trong khu vực.

- Xây dựng nhà vệ sinh công cộng cho các công trình công cộng trong khu vực nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường của khu vực.

đ3) Nghĩa trang:

- Nghĩa trang liệt sĩ: Giữ nguyên diện tích nghĩa trang liệt sĩ hiện có 2.736 m² tại thôn Phước Hòa, quy hoạch chỉnh trang và trồng thêm cây xanh cảnh quan.

- Nghĩa trang nhân dân: Giữ nguyên vị trí nghĩa trang nhân dân Bình Trị với diện tích 11,04 ha thuộc thôn Phước Hòa phục vụ nhu cầu chôn cất cho nhân dân trên địa bàn xã nói riêng và các xã lân cận nói chung. Đóng cửa toàn bộ các nghĩa trang nhỏ lẻ gần khu dân cư, tổ chức trồng cây xanh xung quanh. Quy hoạch khu vực Hỏa táng trong phạm vi nghĩa trang nhân dân Bình Trị hiện có phục vụ nhu cầu cần thiết cho nhân dân trong thời gian tới.

Trong giai đoạn 2021 - 2030 không quy hoạch thêm mới diện tích đất nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã.

e) Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Triệt để sử dụng sông suối tự nhiên và thiết kế các tuyến mương theo hiện trạng hiện có để đảm bảo việc thoát nước nhanh và an toàn nhất cũng như việc điều hòa nước mưa bằng hệ thống kênh mương hở, hồ, để giảm kích thước cống.

- Đối với các xã trong khu kinh tế Dung Quất 100% đường phải có hệ thống thoát nước mưa.

- Đối với các kênh, mương sông suối chảy qua đô thị, cần phải kè bờ và tùy theo yêu cầu của đô thị, cần có các giải pháp phù hợp với yêu cầu cảnh quan và môi trường đô thị.

- Khuyến khích xây dựng tuyến cống 2 bên đường nếu điều kiện kinh tế cho phép, tăng khả năng thu và thoát nước mặt.

f) San nền:

- Đối với các khu dân cư hiện trạng có mật độ xây dựng đã tương đối ổn định, khi xen ghép xây dựng bổ sung thêm công trình hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cũ cần khống chế cao độ nền trên cơ sở không phá vỡ hoặc ảnh hưởng xấu tới công trình liền kề, đảm bảo hài hòa với khu vực xung quanh và không ảnh hưởng bất lợi tới các hướng tuyến thoát chung của khu vực.

- Đối với các khu dân cư nằm ven theo các trục đường hiện có. Nền xây dựng được tổ chức san lấp cục bộ, cao độ khống chế nền hoàn thiện công trình lấy cao hơn cốt nền đường tại khu vực từ 0,3-0,5m.

- Đặc điểm địa hình xã Bình Trị phía Đông giáp biển Đông nên về san nền cần có những biện pháp như:

+ Thiết kế, áp dụng các mẫu nhà ở và công trình ven biển có thêm những tính năng chống chịu bão và nước biển dâng. Nâng cấp, cải tạo các công trình công cộng kiên cố có tầng 2, tôn nền phòng tránh bão và nước biển dâng cho các điểm dân cư như: Trường học, trụ sở cơ quan, chùa, nhà văn hóa, cơ sở y tế...

+ Về cao độ khống chế nền (tính toán thêm mực nước biển dâng do biến đổi khí hậu).

➤ Khu vực ven biển: Khu vực xây dựng nhà máy công nghiệp: $H_{xd} \geq +3,75m$.

➤ Khu vực bên sông Cà Nin: Khu vực xây dựng công nghiệp $H_{xd} \geq +6,25m$, khu vực phát triển đô thị $H_{xd} \geq +5,75m$.

➤ Đô thị Vạn Tường : $H_{xd} \geq +3,00m$.

i) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

Từng bước ngàm hóa cáp viễn thông kết hợp thực hiện đồng bộ các chương trình chỉnh trang đô thị và quy hoạch xây dựng các khu dân cư mới hiện đại, nâng cao chất lượng mỹ quan đô thị. Phát triển hạ tầng viễn thông hiện đại, bền vững, sử dụng chung, đảm bảo mỹ quan đô thị, tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ với chất lượng tốt, giá cước hợp lý theo cơ chế thị trường.

- Mạng ngoại vi: Thực hiện cáp quang hóa mạng ngoại vi, giai đoạn quy hoạch hệ thống cáp đi chung với trụ điện sinh hoạt để cấp nguồn đến từng thôn

xóm.

- Mạng di động: Mạng thông tin di động phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng bằng các biện pháp lắp thêm các trạm BTS đồng thời nâng cấp cấu hình các trạm, chuyển đổi công nghệ theo định hướng đa kết nối hướng đến cung cấp các dịch vụ đa phương tiện trên mạng di động; Phát triển mạng thu phát sóng thông tin di động chủ yếu theo hướng dùng chung giữa các doanh nghiệp, sử dụng chung hạ tầng giữa các công nghệ (công nghệ 5G sử dụng nhà trạm, hệ thống truyền dẫn).

- Mạng internet: Truy nhập Internet băng rộng sẽ được phát triển theo 2 phương thức qua mạng cáp nội hạt và sóng vô tuyến; Phát triển chủ yếu theo công nghệ NGN và công nghệ kết nối vô tuyến băng thông rộng với tốc độ truyền dữ liệu cao, ổn định và mở rộng khu vực phủ sóng.

- Mạng truyền hình: Mạng truyền hình đảm nhận cung cấp dịch vụ truyền hình (gồm cả miễn phí và có phí) cho cộng đồng sống và làm việc tại khu vực quy hoạch. Nhà cung cấp dịch vụ truyền hình sẽ triển khai mạng tới từng đơn vị qua mạng cáp truyền hình hoặc tín hiệu vệ tinh.

7. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường:

Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị:

- Quy hoạch hành lang cây xanh, công viên cây xanh bảo vệ môi trường đô thị.

- Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là đối với các quy hoạch giao thông, san lấp nền và cấp, thoát nước đều có tính đến việc thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của huyện Bình Sơn; khảo sát thăm dò, xây dựng bờ kè vừa chống xói lở bờ biển để đảm bảo chống sạt lở và bảo vệ môi trường;

- Giảm thiểu ô nhiễm không khí: Trồng cây xanh cách ly, cây xanh ven đường để giảm nồng độ chất ô nhiễm trong không khí tại các tuyến giao thông có mật độ cao.

- Giảm thiểu ô nhiễm từ chất thải rắn: Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, vận động tái chế, tái sử dụng, chế biến phân hữu cơ, chôn lấp hợp vệ sinh.

- Kiểm soát ô nhiễm nước thải sinh hoạt và công nghiệp; Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT. Nước thải công nghiệp được các cơ sở sản xuất xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT.

- Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát chất lượng môi trường.

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

a) Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã và kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn:

- Ưu tiên thu hút kêu gọi đầu tư trên địa bàn xã Bình Trị, đặc biệt về lĩnh vực nhà ở, thương mại dịch vụ và du lịch.

- Ưu tiên đầu tư nâng cao chất lượng các tiêu chí xã đã đạt nông thôn mới; nông thôn mới nâng cao, tiến đến nông thôn mới kiểu mẫu như: xây dựng khu công viên, vui chơi cho trẻ em tại khu vực trung tâm xã.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất như kiên cố các tuyến kênh mương nội đồng.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông như: Đầu tư các tuyến giao thông trên địa bàn xã Bình Trị nhất là các tuyến đường trục xã và đường ngõ, xóm chưa được đầu tư nâng cấp.

b) Dự kiến nhu cầu vốn và các nguồn lực thực hiện:

- Nhu cầu vốn đầu tư được xác định cụ thể theo kế hoạch đầu tư trung hạn trên địa bàn huyện Bình Sơn, nhu cầu đầu tư phục vụ sản xuất xã Bình Trị và ước nhu cầu đầu tư hoàn thành theo định hướng quy hoạch chung xã về giao thông, hệ thống cấp thoát nước, chiếu sáng, dân cư, công nghiệp, cây xanh, khu vui chơi, trường học....

- Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện đầu tư: **107,22 tỷ đồng.**

- Nguồn lực thực hiện:

- Đối với đầu tư xây dựng hệ thống giao thông và thủy lợi, cụ thể:

+ Đối với các tuyến đường xã, đường thôn và hệ thống kênh cấp III, nâng cấp các hồ chứa nước phục vụ sản xuất: đầu tư nguồn lực từ ngân sách nhà nước là chính;

+ Đối với hệ thống giao thông ngõ xóm, nội đồng và hệ thống kênh mương nhỏ phục vụ nhu cầu sản xuất trên địa bàn xã kêu gọi đầu tư nguồn lực từ ngân sách trung ương, tỉnh, huyện, xã và lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia và ngân sách thụ hưởng của xã;

- Đối với các công trình hạ tầng dịch vụ công cộng như giáo dục, y tế, nhà văn hóa, thể dục thể thao đầu tư nguồn lực từ ngân sách nhà nước;

- Đối với các hạng mục đầu tư như Chợ, các khu dân cư, khu đô thị mới, khu thương mại dịch vụ, khu du lịch sinh thái, điểm du lịch ... kêu gọi nguồn đầu tư từ các tổ chức doanh nghiệp là chính.

- Đối với các dải trồng cây xanh thuộc hành lang đường giao thông cần huy động đóng góp từ các cá nhân và tổ chức trên địa bàn xã.

- Đối với trạm xử lý nước thải tập trung kêu gọi các nguồn đầu tư có thu phí từ doanh nghiệp hoặc đầu tư từ ngân sách.

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư bằng nhiều hình thức, sử dụng vốn ngân sách cho các chương trình, dự án cấp thiết phục vụ nhu cầu của cộng đồng dân cư...

9. Tiến độ thực hiện:

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tiếp tục đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường và các hạng mục đầu tư như đã đề xuất. Phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa, có liên kết, hợp tác. Thực hiện bố trí các điểm dân cư xen kẽ và khu dân cư như đã quy hoạch. Đẩy mạnh phát triển hơn nữa thương mại dịch vụ du lịch trên địa bàn xã, phấn đấu đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, các điểm dân cư mới, y tế, trường học đảm bảo nhu cầu phát triển toàn diện, phát triển nền kinh tế - xã hội và văn hóa đồng bộ, hiện đại, phát huy truyền thống của xã theo hướng đô thị hóa đưa xã Bình Trị trở thành phường.

10. Đơn vị lập Đồ án quy hoạch:

- Đơn vị lập đồ án quy hoạch: Liên danh Công ty TNHH kỹ thuật đo đạc Địa chính Quảng Ngãi và Công ty TNHH thiết kế kiến trúc xây dựng Trí Nam; Công ty TNHH thiết kế kiến trúc xây dựng Trí Nam đã được Sở Xây dựng Quảng Ngãi cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng về tổ chức lập quy hoạch xây dựng số QNG-00003117 ngày 22/8/2019.

- Chủ trì lập quy hoạch: KTS. Đỗ Xuân Phước, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số QNG-00014915 do Sở Xây dựng Quảng Ngãi cấp ngày 19/12/2022 – thời hạn sử dụng đến 19/12/2027.

(có hồ sơ quy hoạch đồ án chung thẩm đính kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, gồm: 03 chương, 24 điều kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này là căn cứ để UBND xã Bình Trị triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định pháp luật hiện hành. Giao UBND xã Bình Trị triển khai các công việc sau:

- Tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phê duyệt theo quy định tại Điều 40 Luật Xây dựng và Điều 38 Luật quy hoạch năm 2017;

- Tổ chức lập và phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới quy hoạch theo quy hoạch được duyệt, bảo vệ mốc giới và giám sát việc xây dựng các công trình theo quy hoạch theo quy định tại Điều 44 Luật Xây dựng.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, nhất là lập đồ án quy hoạch chi tiết, cụ thể hóa Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trị, đề nghị UBND xã Bình Trị phải thực hiện theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD và các quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hiện hành);

- Thực hiện công tác quản lý đầu tư xây dựng phải căn cứ vào quy hoạch đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 45 Luật Xây dựng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, thành viên Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch huyện Bình Sơn; Trưởng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND xã Bình Trị và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các Sở: Xây dựng, TN&MT, GTVT, VHTT&DL, NN&PTNT;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UB MTTQVN huyện;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- Kho bạc Nhà nước huyện;
- Ban Biên tập Website huyện (đăng tải);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tường Duy